

Số: 44 /NQ-GĐ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Quý IV/2015 Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định



Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;
Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định,

Tại phiên họp Quý IV/2015 được tổ chức vào hai ngày 15 và 30/3/2016, Hội đồng quản trị đã nghe báo cáo, trình và thảo luận thông qua các nội dung:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 kèm Báo cáo kế toán năm 2015;
- Trình Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2016;
- Trình bổ nhiệm Phó Giám đốc Kỹ thuật;
- Trình phê duyệt phương án vay vốn dự án phục vụ công tác giảm nước thất thoát thất thu;
- Trình thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất thông qua Báo cáo số 347/BC-GĐ-KHVT ngày 04/03/2016 (kèm Báo cáo kế toán 2015) về kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2014; trong đó sản lượng nước cung cấp tăng 2,37%, tổng doanh thu tăng 3.03% so với năm 2014 và Lợi nhuận trước thuế tăng 0,70% so với kế hoạch. (Phụ đính 1). Với mức lợi nhuận thực hiện thấp hơn so với năm 2014, đề nghị Giám đốc Công ty rà soát chi phí năm 2015 để có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016. Đối với Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông, bổ sung kết quả thực hiện so với năm 2014 và thuyết minh phần lợi nhuận năm 2015 so với lợi nhuận kế hoạch trước khi điều chỉnh.

2. Thống nhất thông qua Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2016 theo nội dung Tờ trình số 544/BC-GĐ-KHVT ngày 23/03/2016 của Giám đốc Công ty. (Phụ đính 2, 3, 4, 5)

Đề nghị Giám đốc có giải pháp tiết kiệm chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và phấn đấu đạt lợi nhuận trước thuế theo mức thực hiện năm 2015.

3. Với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý, Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc bổ nhiệm vào chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Phạm Long Châu - sinh năm 1966, Kỹ sư Cấp thoát nước, Đội trưởng Đội Duy tu Công ty - theo nội dung Tờ trình số 381/TTr-GĐ-TCHC ngày 08/3/2016 về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Kỹ thuật. Giao Chủ tịch ban hành Quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty.

4. Thống nhất thông qua Tờ trình số 621/TTr-GĐ-TCHC ngày 29/3/2016 về việc phê duyệt phương án vay vốn các dự án cấp nước phục vụ công tác cung cấp nước sạch và giảm nước thất thoát thất thu. (Phụ đính 6)

Việc vay vốn đầu tư các dự án về mạng lưới cấp nước nên xem xét tại các ngân hàng có nguồn vốn vay trung – dài hạn dồi dào và lãi suất ưu đãi. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tiến hành thực hiện các thủ tục vay vốn phù hợp với Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty và quy định pháp luật.

5. Thống nhất thông qua Tờ trình số 130/TTr-GĐ-HĐQT ngày 07/3/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông, sẽ được tổ chức vào ngày 15/4/2016. (Phụ đính 7).

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn thành tài liệu họp, công bố thông tin theo quy định hiện hành và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo Quy chế tổ chức, tham dự Đại hội cổ đông được ban hành theo Quyết định số 14/QĐ-GĐ-HĐQT ngày 15/3/2013 của Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định.

Nơi nhận:

- UBCK, SGDCK “để báo cáo”;
- Thành viên HĐQT;
- CT HĐTV, TGD, KSV TCTy;
- Trưởng BKS;
- Ban giám đốc;
- Kế toán trưởng Cty;
- Lưu VT (Tky.15).

TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Nguyễn An

Phụ đính 1

QUYẾT NGHỊ

Kết quả sản xuất – kinh doanh – tài chính năm 2015
(Đính kèm Nghị quyết số 44/NQ-GĐ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2016)

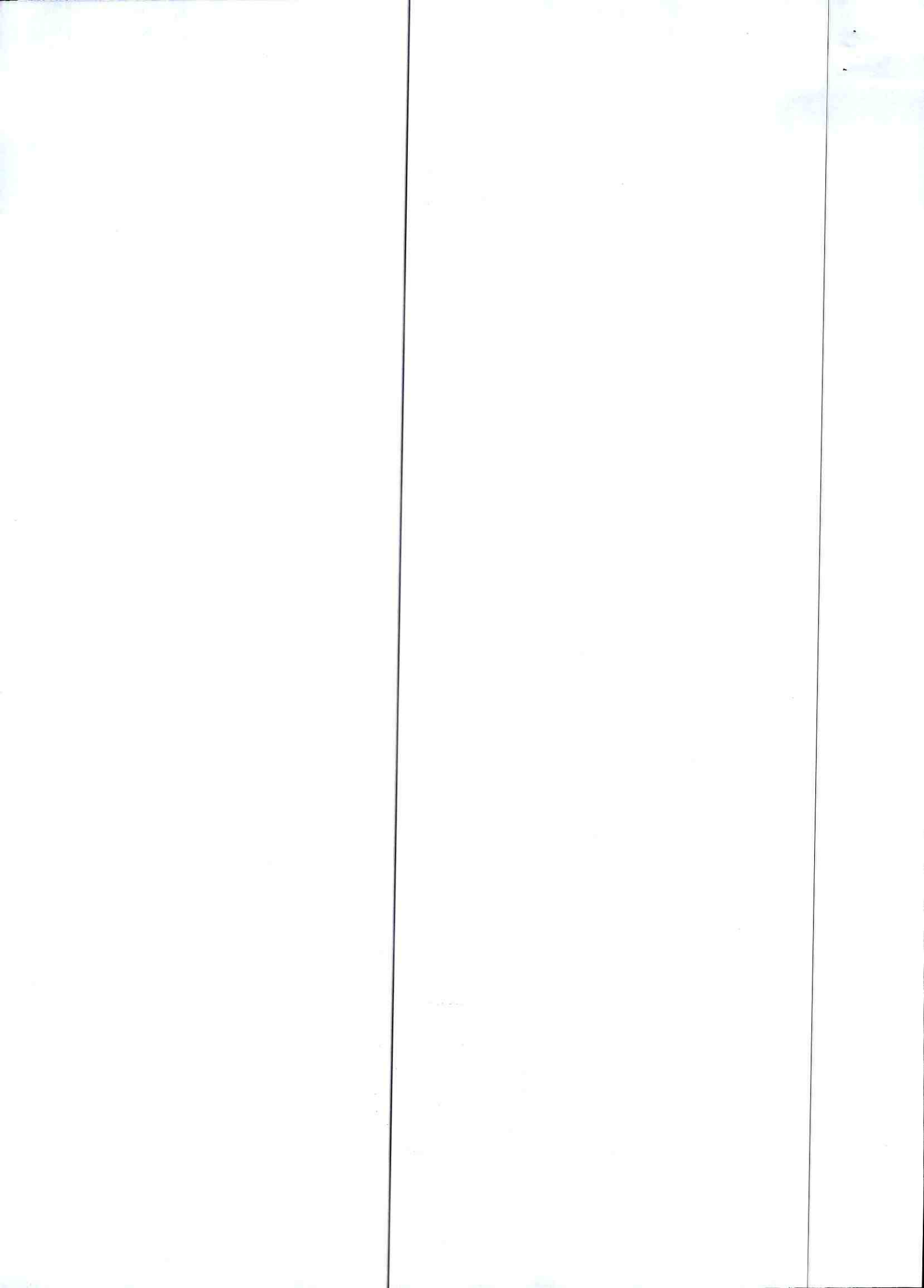
Số TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ %	
						So KH năm 2015	So TH năm 2014
			1	2	3	4=3/2	5=3/1
A/ KINH DOANH							
1	Nước tiêu thụ	Tr. m3	45.102	45.500	46.170	101,47	102,37
2	Gắn mới đồng hồ nước	Cái	1,515	500	3,704	740,80	244,49
3	Thay đồng hồ nước	Cái	29,092	26,060	27,923	107,15	95,98
4	Tỷ lệ HD được cấp nước	%	100,00	100,00	99,99	99,99	99,99
B/ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG							
6	Phát triển mạng lưới cấp nước	Mét	11,846	9,625	10,129	105,24	85,51
		Tỷ đồng	44,064	24,561	30,716	125,06	69,71
7	Cải tạo hoàn thiện MLCN	Mét	-	5,010	5,968	119,12	-
		Tỷ đồng	-	19,938	21,493	107,80	-
8	Đầu tư thay mới ống mục	Mét	12,432	9,736	8,823	90,62	70,97
		Tỷ đồng	65,07	43,335	43,856	101,20	67,40
C/ TÀI CHÍNH							
9	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	417,933	419,025	427,718	102,07	102,34
10	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	404,207	407,725	416,446	102,14	103,03
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,172	15,550	15,659	100,70	57,63
12	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	67,404	66,753	66,552	99,70	98,74

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn An



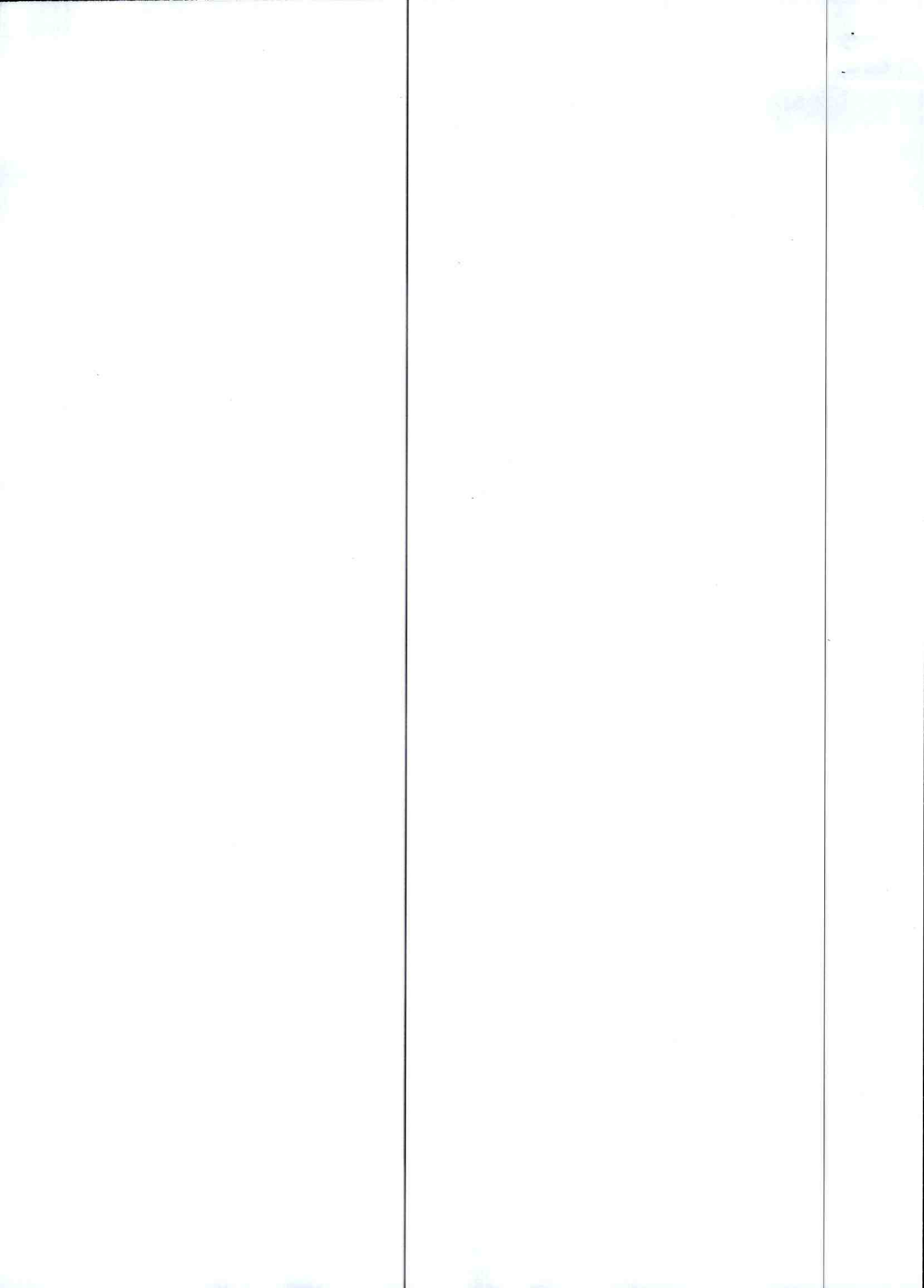
Phụ đính 2

QUYẾT NGHỊ

Kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính năm 2016
(Đính kèm Nghị quyết số 44/NQ-GĐ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2016)

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	So sánh
A. Sản xuất kinh doanh				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	46.170	46.500	100,71%
2. Gắn mới đồng hồ nước	Cái	3.704	1.500	40,50%
3. Thay đồng hồ nước	Cái	27.923	26.034	93,23%
4. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	99,99	100,00	-
B. Đầu tư xây dựng				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước	Mét	10.129	5.694	56,21%
	Tỷ đồng	30,716	17,561	57,17%
2. Cải tạo hoàn thiện MLCN	Mét	5.968	4.720	79,09%
	Tỷ đồng	21,493	20,078	93,42%
3. Đầu tư thay mới ống mục	Mét	8.823	14.651	166,05%
	Tỷ đồng	43,856	63,396	144,55%
4. Dự án giảm nước thất thoát thất thu	Tỷ đồng	11.596	18.673	161,03%
C. Tài chính				
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	427,718	423,835	99,09%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,659	12,600	80,46%
3. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	416,446	417,988	100,37%
4. Nộp ngân sách	Tỷ đồng	66,552	66,053	99,25%

M.S.D.N: 0304806225
TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
GIA ĐỊNH
 Q. BÌNH THẠNH - T.P. HỒ CHÍ MINH
 Nguyễn An



QUYẾT NGHỊ

Phụ đính 3

Danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016

(Đính kèm Nghị quyết số 44 /NQ-GD-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2016)

STT	Danh mục công trình	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Vốn (Tr.đ)	Đăng ký thực hiện		Ghi chú
					Khối lượng (m)	Giá trị (Triệu đồng)	
TỔNG HỢP							
I)	THEO NGUỒN VỐN			175.840,25	35.681	137.869,25	126.078,03
A)	VỐN CÔNG TY CỔ PHẦN			139.007,25	25.065	101.036,25	89.245,03
1.	Vốn kinh doanh		5.620 m	18.634,00	5.620	18.634,00	16.770,60
2.	Chi phí sửa chữa lớn		0 m	-	0	-	-
3.	Vốn vay ngân hàng thương mại		27.495 m	120.373,25	19.445	82.402,25	72.474,43
B)	VỐN TỔNG CÔNG TY		10.616 m	36.833,00	10.616	36.833,00	36.833,00
1.	Vốn kinh doanh		10.616 m	36.833,00	10.616	36.833,00	36.833,00
2.	Vốn chi phí sửa chữa lớn						Vốn biến đổi khí
II)	THEO GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		33.115 m	139.007,25	25.065	101.036,25	89.245,03
1.	Dự án thực hiện đầu tư (THĐT)		25.065 m	96.817,25	25.065	96.817,25	87.135,53
2.	Dự án chuẩn bị đầu tư (CBĐT)		8.050 m	42.190,00	0	4.219,00	2.109,50
III)	THEO TÍNH CHẤT DỰ ÁN		33.115 m	139.007,25	25.065	101.036,25	89.245,03
1.	Phát triển mạng lưới cấp nước (PTML)		5.694 m	17.561,50	5.694	17.561,50	15.805,35
2.	Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước (CTHTMLCN)		7.720 m	38.955,50	4.720	20.078,00	17.231,20
3.	Đầu tư thay mới ống mục (tên cũ SCOM)		19.701 m	82.490,25	14.651	63.396,75	56.208,48
A)	VỐN CÔNG TY CỔ PHẦN: 26 dự án		33.115 m	139.007,25	25.065	101.036,25	89.245,03
A1.	Vốn Kinh doanh (I+II+III): 06 dự án		5.620 m	18.634,00	5.620	18.634,00	16.770,60
I.	Dự án thực hiện đầu tư: 06 dự án		5.620 m	18.634,00	5.620	18.634,00	16.770,60
I.	Phát triển mạng lưới cấp nước: 02 dự án		2.300 m	6.600,00	2.300	6.600,00	5.940,00
1	PTMLCN rạch Phan Văn Hân Phường 17 Quận Bình Thạnh	QBT	1.000 m P180	4.000,00	1.000	4.000,00	3.600,00
2	PTMLCN Bình Thạnh- Phú Nhuận- Gò Vấp- Quận 3 đợt 5 năm 2016		1.300 m P100	2.600,00	1.300	2.600,00	2.340,00
II.	Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước: 02 dự án		820 m	3.660,00	820	3.660,00	3.294,00
1	HTMLCN đường Phan Văn Hân Phường 17 Quận Bình Thạnh (từ số nhà 69 đến 89)	QBT	150 m P180	600,00	150	600,00	540,00

STT	Danh mục công trình	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Vốn (Tr.đ)	Đăng ký thực hiện		Ghi chú
					Khối lượng (m)	Giá trị (Triệu đồng)	
	Cải tạo hoàn thiện MLCN đường Nguyễn Trọng Tuyển (từ Nguyễn Văn Trỗi đến đường ray) Phường 8 Q.PN	QPN	400 m P225	3.060,00	670	3.060,00	2.754,00
	270 m P180						
	III. Đầu tư thay mới ống mục: 02 dự án		2.500 m	8.374,00	2.500	8.374,00	7.536,60
1	Đầu tư thay mới ống mục DMA PN03.00 P3 Q.PN	Q.PN	620 m P150	4.480,00	1.320	4.480,00	4.032,00
2	Đầu tư thay mới ống mục DMA 2, P2 QBT	QBT	700 m P100				
			1.180 m P100	3.894,00	1.180	3.894,00	3.504,60
	2. Dự án chuẩn bị đầu tư: 0 dự án		0 m	-	0	0	0
	I. Phát triển mạng lưới cấp nước: 0 dự án		0 m	-	0	-	-
	II. Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước: 0 dự án		0 m	-	0	-	-
	III. Đầu tư thay mới ống mục: 0 dự án		0 m	-	0	-	-
	A2. Vốn vay (I+II+III): 20 dự án		27.495 m	120.373,25	19.445	82.402,25	72.474,43
	1. Dự án thực hiện đầu tư: 13 dự án		19.445 m	78.183,25	19.445	78.183,25	70.364,93
	I. Phát triển mạng lưới cấp nước: 02 dự án		3.394 m	10.961,50	3.394	10.961,50	9.865,35
1	PTMLCN lẻ trái đường Lê Văn Sỹ (từ Đặng Văn Ngữ đến cầu Lê Văn Sỹ) QPN+Q3	QPN+Q3	1.815 m P225	7.804,50	1.815	7.804,50	7.024,05
2	PTMLCN DMA 19 phường 13 QBT	QBT	1.579 m P100	3.157,00	1.579	3.157,00	2.841,30
	II. Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước: 02 dự án		3.900 m	14.320,50	3.900	14.320,50	12.888,45
1	Cải tạo hoàn thiện MLCN Phường 14 & 24 QBT (Tên cũ "Đầu tư thay mới ống mục Phường 14&24 QBT")	QBT	100 m P200 1.150 m P150	8.350,50	2.260	8.350,50	7.515,45
2	Cải tạo hoàn thiện MLCN phường 19, phường 21 Q.BT (Ghi chú: Thay 40 bộ ống nhánh hèm 220)	QBT	1.010 m P100 1.100 m P150	4.160,00	1.600	5.970,00	5.373,00
	III. Đầu tư thay mới ống mục: 09 dự án		12.151 m	52.901,25	12.151	52.901,25	47.611,13
1	Đầu tư thay mới ống mục đường Ung Văn Khiêm (từ đường D2 đến bãi than) phường 25 QBT	QBT	693 m P125	2.737,35	693	2.737,35	2.463,62
2	Đầu tư thay mới ống mục lẻ trái đường Đinh Tiên Hoàng (từ Vũ Tùng đến Trường Sa) và đường Vũ Tùng (từ Đinh Tiên Hoàng đến Bùi Hữu Nghĩa) Phường 1 Q.BT	QBT	1.090 m P225	4.687,00	1.090	4.687,00	4.218,30
3	Đầu tư thay mới ống mục đường Lê Văn Sỹ (từ Đặng Văn Ngữ- Trần Huy Liệu) Q.PN+Q3	Q.PN+Q3	1.344 m P355	10.752,00	1.344	10.752,00	9.676,80

STT	Danh mục công trình	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Vốn (Tr.đ)	Khối lượng (m)	Đăng ký thực hiện		Ghi chú
						Giá trị (Triệu đồng)	T. toán (Triệu đồng)	
I. Phát triển mạng lưới cấp nước: 0 dự án								
2. Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước: 03 dự án								
3. Đầu tư thay mới ống mục: 06 dự án								
1	Đầu tư thay mới ống mục đường Huỳnh Văn Bánh (từ đường ray đến Đặng Văn Ngữ) phường 14 QPN	QPN	10.616 m 958 m P200	36.833,00 3.929,00	10.616 958	36.833,00 3.929,00	- -	Vốn biến đổi khí
2	Đầu tư thay mới ống mục lê trái đường XVNT (từ đài Liệt Sỹ đến cầu Kinh) phường 26 QBT	QBT	747 m P200	3.062,00	747	3.062,00	3.062,00	
3	Đầu tư thay mới ống mục cư xá Chu Văn An phường 26 QBT đợt 1	QBT	550 m P200 3.240 m P100	12.945,00	3.790	12.945,00	12.945,00	
4	Đầu tư thay mới ống mục cư xá Chu Văn An phường 26 QBT đợt 2	QBT	2.550 m P100	8.415,00	2.550	8.415,00	8.415,00	
5	Đầu tư thay mới ống mục DMA 52,53 phường 13,14 QPN	QPN	998 m P100	3.292,00	998	3.292,00	3.292,00	
6	Đầu tư thay mới ống mục DMA 55 phường 17 quận Phú	Q.PN	1.573 m P100	5.190,00	1.573	5.190,00	5.190,00	
II Dự án chuẩn bị đầu tư								
1. Phát triển mạng lưới cấp nước: 0 dự án								
2. Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước: 0 dự án								
3. Đầu tư thay mới ống mục: 0 dự án								
			0 m	-	0	0	0	
			0 m	-	0	-	-	
			0 m	-	0	-	-	
			0 m	-	0	-	-	

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐÌNH

CHỦ TỊCH



Nguyễn An

STT	Danh mục công trình	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Vốn (Tr.đ)	Đăng ký thực hiện			Ghi chú
					Khối lượng (m)	Giá trị (Triệu đồng)	T. toán (Triệu đồng)	
4	Đầu tư thay mới ống mục lè phải đường Lê Văn Sỹ (từ Đăng Văn Ngừ- Trần Quang Diệu) Q.PN+ Q3	PN+ Q3	1.465 m P225	6.299,50	1.465	6.299,50	5.669,55	
5	Đầu tư thay mới ống mục DMA 51 phường 12 QPN	QPN	600 m P150 1.800 m P100	8.040,00	2.400	8.040,00	7.236,00	
6	Đầu tư thay mới ống mục DMA PN10.00, PN11.00 phường 10,11 QPN	QPN	280 m P200 250 m P150 550 m P100	3.838,00	1.080	3.838,00	3.454,20	
7	Đầu tư thay mới ống mục DMA 54 phường 15 quận Phú Nhuận	QPN	400 m P200 410 m P150 1.100 m P100	6.705,00	1.910	6.705,00	6.034,50	
8	Đầu tư thay mới ống mục phường 28 QBT	QBT	1.440 m P180	5.760,00	1.440	5.760,00	5.184,00	
9	Đầu tư thay mới ống mục đường Đinh Bộ Lĩnh (từ Bạch Đằng đến cầu Đinh Bộ Lĩnh) phường 24 QBT	QBT	729 m P225	4.082,40	729	4.082,40	3.674,16	
2. Dự án chuẩn bị đầu tư: 07 dự án				42.190,00	0	4.219,00	2.109,50	
I. Phát triển mạng lưới cấp nước: 0 dự án				-	0	-	-	
II. Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước: 03 dự án				20.975,00	0	2.097,50	1.048,75	
1	CTHTMLCN đường Nguyễn Bình Khiêm Phường 1 Quận Gò Vấp	QGV	350 m P225 350 m P180	2.905,00	-	290,50	145,25	
2	Cải tạo hoàn thiện MLCN đường Trần Bình Trọng		1.100 m P150	8.470,00	0	847,00	423,50	
3	Cải tạo nâng cấp HTMLCN đường Lương Ngọc Quyền		600 m P350 600 m P150	9.600,00	0	960,00	480,00	
III. Đầu tư thay mới ống mục: 04 dự án				21.215,00	0	2.121,50	1.060,75	
1	Đầu tư thay mới ống mục lè trái Hoàng Văn Thụ (từ QK7 đến đồng hồ tổng)		200 m P300 600 m P200	4.420,00	0	442,00	221,00	
2	Đầu tư thay mới ống mục Phường 8, QPN		300 m P300 300 m P150 1000 m P100	7.290,00	0	729,00	364,50	
3	Đầu tư thay mới ống mục Phường 5, QBT		400 m P200 600 m P150 850 m P100	6.545,00	0	654,50	327,25	
4	Đầu tư thay mới ống mục Phường 1, QGV		400 m P200 400 m P100	2.960,00	0	296,00	148,00	
B) VỐN TỔNG CÔNG TY: 06 dự án				36.833,00	10.616	36.833,00	36.833,00	
B1. Vốn Kinh doanh				36.833,00	10.616	36.833,00	36.833,00	
I Dự án thực hiện đầu tư				36.833,00	10.616	36.833,00	36.833,00	

QUYẾT NGHỊ

Phụ đính 4

Danh mục công trình giảm nước thất thoát thất thu năm 2016

NGUỒN VỐN: VỐN KINH DOANH

(Đính kèm Nghị quyết số 44 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 30 tháng 3 /2016)

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Năng lực thiết kế			Tổng mức đầu tư	
			Cỡ ống /Bộ ống ngành	Khối lượng (m)	Giá trị (1.000đ)	Khối lượng (m)	Giá trị (1.000đ)
A	Công trình sửa chữa ống mục: (1÷16)				15,234,500	15,234,500	
1	SCOM hẻm 44,45/57 Nguyễn Văn Đậu và hẻm 14, 26 Lam Sơn phường 6, quận Bình Thạnh.	QBT	Đ100	240	672,000	240	672,000
2	SCOM các hẻm 184,198/7 Phan Văn Trị; hẻm 296, 304 Nơ Trang Long và hẻm 83 Bùi Đình Túy phường 12, quận Bình Thạnh.	QBT	Đ150	150	1,253,000	150	1,253,000
			Đ100	260		260	
3	SCOM hẻm 54, 84, 100/7, 230 đường Lê Quang Định phường 14, quận Bình Thạnh.	QBT	Đ100	320	896,000	320	896,000
4	SCOM hẻm 172 Điện Biên Phủ, hẻm 245 Xô Viết Nghệ Tĩnh và hẻm 237 Phan Văn Hân phường 17, quận Bình Thạnh.	QBT	Đ150	226	1,099,000	226	1,099,000
			Đ100	110		110	
5	SCOM hẻm 1/2E Ngô Tất Tố, hẻm 598 Điện Biên Phủ P.22, SCOM hẻm 157 D2 P.25, SCOM hẻm 54 và thay dây hẻm 202 Nguyễn Xí P.26, Q.BT.	QBT	Đ100	330	1,022,000	330	1,022,000
			Pb20	20		20	
6	SCOM hẻm 208, 288 Nguyễn Thượng Hiền phường 5, Q.Phú Nhuận	QPN	Đ100	220	616,000	220	616,000
7	SCOM hẻm 58, 72 Huỳnh Văn Bánh và hẻm 337 Phan Đình Phùng phường 15, quận Phú Nhuận	QPN	Đ150	70	581,000	70	581,000
			Đ100	120		120	
8	SCOM các hẻm 72, 96, 101, 110 và 126 đường Duy Tân phường 15, quận Phú Nhuận.	QPN	Đ150	45	745,500	45	745,500
			Đ100	210		210	
9	SCOM hẻm 41,55 Phan Đình Phùng; hẻm 146 Cao Thắng, phường 17, quận Phú Nhuận.	QPN	Đ100	290	812,000	290	812,000
10	SCOM đường Trần Quang Diệu - từ số nhà 20 đến số nhà 38 và các hẻm 12, 40, 80, 136 phường 14 Q.3 - hẻm 91 phường 13 Q.3	Q3	Đ100	500	1,400,000	500	1,400,000
11	SCOM hẻm 384, 386, 476 đường Lê Văn Sỹ phường 14, Quận 3.	Q3	Đ100	380	1,064,000	380	1,064,000
12	SCOM hẻm 128 (từ 128 đến 128/48) và từ 112/42/20A đến 112/9/30/14) đường Đinh Tiên Hoàng, phường 1, Q.Bình Thạnh	QBT	Đ100	520	1,456,000	520	1,456,000

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Năng lực thiết kế			Tổng mức đầu tư	
			Cỡ ống /Bộ ống ngành	Khối lượng (m)	Giá trị (1.000đ)	Khối lượng (m)	Giá trị (1.000đ)
13	SCOM hẻm 60 Đinh Tiên Hoàng (từ số 60/17 đến 50/27/10) phường 1, quận Bình Thạnh đường Nguyễn Thái Học (từ số 54 đến 29), phường 1, quận Bình Thạnh.	QBT	Đ100	200	560,000	200	560,000
14	SCOM đường Diên Hồng (từ số 02 đến 49) và hẻm 112 Đinh Tiên Hoàng (từ số 56A đến 44/3A Bis Yên Đỗ) phường 1, quận Bình	QBT	Đ100	430	1,204,000	430	1,204,000
15	SCOM lẻ phải đường Nguyễn Văn Đậu (từ Phan Văn Trị đến hẻm 273) P.11, quận Bình Thạnh	QBT	Đ150	160	664,000	160	664,000
16	SCOM Đ150 lẻ trái Nguyễn Thượng Hiền (từ Nguyễn Văn Đậu đến hẻm 298) P.5, Q.PN.	QPN	Đ150	340	1,190,000	340	1,190,000
B	Công trình cải tạo hoàn thiện MLCN: (1+3)				2,038,400		2,038,400
1	Hoàn thiện mạng lưới cấp nước DMA BT2403 P.24 Q.Bình Thạnh.	QBT	Đ200	220	1,142,400	220	1,142,400
			Đ100	23		23	
2	CTHTMLCN cư xá Nguyễn Văn Trỗi phường 17, quận Phú Nhuận.	QPN	Đ100	180	504,000	180	504,000
3	Cải tạo ống mục Đ100 hẻm 163 Huỳnh Văn Bánh phường 12, quận Phú Nhuận.	QPN	Đ100	140	392,000	140	392,000
C	Công trình lắp đặt hầm đồng hồ tổng: (1+2)				1,400,000		1,400,000
1	Lắp đặt hầm ĐHT DMA BT1402 Phường 14, Q.Bình Thạnh	QBT	2 Hầm ĐHT và thiết bị		800,000	2 Hầm ĐHT và thiết bị	800,000
2	Lắp đặt hầm đồng hồ tổng DMA PN11.12 trước nhà số 57-59 Trần Huy Liệu P.12, Q.PN.	QPN	1 Hầm ĐHT và thiết bị		600,000	1 Hầm ĐHT và thiết bị	600,000
Tổng cộng: (A+B+C)					18,672,900		18,672,900



TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Nguyễn An

QUYẾT NGHỊ

Phụ đính 5

Danh mục đầu tư trang thiết bị năm 2016

(Đính kèm Nghị quyết số 44 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 30/3/2016)

Số TT	Danh mục dự án	Vốn (Tr.đ)	Ghi chú
I	Trang bị thiết bị đọc số cầm tay và nâng cấp phần mềm đọc số	2,310	
1	Máy đọc số cầm tay MC45	1,511	
2	Pin dùng cho thiết bị MC45	30	
3	Đế sạc 1 khe	11	
4	Đế sạc 4 khe	33	
5	Đế sạc 5 khe	71	
6	Máy in giấy báo	385	
7	Phần mềm quản lý đọc số	211	Quản lý dữ liệu đọc số nhận từ thiết bị và Tổng công ty
8	Phần mềm trên thiết bị	60	
II	Triển khai hoá đơn điện tử và phần mềm quản lý	2,500	
III	Trang bị phần mềm, bảo trì định kỳ hệ thống CNTT và thay thế máy chủ	1,046	
1	Máy chủ	450	Thay thế máy chủ FAST (đã sử dụng từ năm 2007)
2	Phần mềm Kaspersky	66	Cập nhật phần mềm và cơ sở dữ liệu cho máy trạm và máy chủ
3	Bảo trì hệ thống CNTT	130	
4	Bản quyền cho hệ điều hành máy chủ và các phần mềm	400	Giấy phép sử dụng hợp pháp cho hệ thống CNTT

IV	Trang bị dụng cụ kiểm tra chất lượng nước, kiểm soát lưu lượng các DMA và bảo trì trạm bơm	943	
1	Máy đo độ đục	20	Kiểm tra chất lượng nước định kỳ
2	Data logger	773	Gắn tại các đồng hồ DMA
3	Bảo trì trạm bơm	150	Trạm bơm Thanh Đa, lô U, lô F
V	Trang bị các ứng dụng và phần mềm quản lý tài sản	550	
1	ArcGIS Engine Runtime	50	Lập trình các ứng dụng
2	Phần mềm quản lý tài sản	500	Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu GIS
Cộng giá trị đầu tư (I + II + III + IV + V)		7,349	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN AN

QUYẾT NGHỊ

Phụ đính 6

Danh mục các dự án sử dụng vốn vay

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-GĐ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2016)

STT	Danh mục công trình	Năng lực thiết kế	Vốn (Tr.đ)
1	Phát triển mạng lưới cấp nước lẻ trái đường Lê Văn Sỹ (từ Đặng Văn Ngữ đến cầu Lê Văn Sỹ), Quận Phú Nhuận & Quận 3	1,815 m Đ225	7,804.50
2	Phát triển mạng lưới cấp nước DMA 19 Phường 13 Quận Bình Thạnh	1,579 m Đ100	3,157.00
3	Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước, Phường 14 & 24 Quận Bình Thạnh (Tên cũ "Đầu tư thay mới ống mục Phường 14&24 Quận Bình Thạnh")	100 m Đ200	8,350.50
		1,150 m Đ150	
		1,010 m Đ100	
4	Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước, Phường 19, Phường 21 Quận Bình Thạnh (Ghi chú: Thay 40 bộ ống nhánh hẻm 220)	1,100 m Đ150	4,160.00
		500 m Đ100	1,650.00
		40 bộ	160.00
5	Đầu tư thay mới ống mục đường Ung Văn Khiêm (từ đường D2 đến bãi than), Phường 25 Quận Bình Thạnh	693 m Đ125	2,737.35
6	Đầu tư thay mới ống mục lẻ trái đường Đinh Tiên Hoàng (từ Vũ Tùng đến Trường Sa) và đường Vũ Tùng (từ Đinh Tiên Hoàng đến Bùi Hữu Nghĩa), Phường 1, Quận Bình Thạnh	1,090 m Đ225	4,687.00
7	Đầu tư thay mới ống mục đường Lê Văn Sỹ (từ Đặng Văn Ngữ- Trần Huy Liệu), quận Phú Nhuận & Quận 3	1,344 m Đ355	10,752.00

8	Đầu tư thay mới ống mục lè phải đường Lê Văn Sỹ (từ Đặng Văn Ngữ- Trần Quang Diệu) quận Phú Nhuận, Quận 3	1,465 m Đ225	6,299.50
9	Đầu tư thay mới ống mục DMA 51 Phường 12 quận Phú Nhuận	600 m Đ150 1,800 m Đ100	8,040.00
10	Đầu tư thay mới ống mục DMA PN10.00, PN11.00, Phường 10&11, quận Phú Nhuận	280 m Đ200 250 m Đ150 550 m Đ100	3,838.00
11	Đầu tư thay mới ống mục DMA 54, Phường 15 quận Phú Nhuận	400 m Đ200 410 m Đ150 1,100 m Đ100	6,705.00
12	Đầu tư thay mới ống mục Phường 28, quận Bình Thạnh	1,440 m Đ180	5,760.00
13	Đầu tư thay mới ống mục đường Đinh Bộ Lĩnh (từ Bạch Đằng đến cầu Đinh Bộ Lĩnh), Phường 24 Quận Bình Thạnh.	729 m Đ225	4,082.40



TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch

(Handwritten signature)

Nguyễn An

QUYẾT NGHỊ

Về công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
(Đính kèm Nghị quyết số 44/NQ-GĐ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2016)

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 sẽ được tổ chức vào ngày 15/4/2016, với các nội dung sau:

- I. Đoàn Chủ tịch:** Ông Nguyễn An, Ông Nguyễn Ngọc Hùng, Bà Trương Nguyễn Thiên Kim.
- II. Đoàn Thư ký:** Bà Nguyễn Lê Minh Phương, Bà Đinh Thị Minh Tuyền.
- III. Tài liệu:**

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 (bao gồm Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán, Báo cáo kiểm toán) và trình Chi tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015;
3. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2015;
4. Trình sửa đổi và bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty;

Đối với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thống nhất đa số nội dung theo như Bảng đối chiếu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; các nội dung chưa thống nhất như Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông hay Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết từng ý riêng biệt.

5. Trình niêm yết cổ phiếu Công ty trên thị trường chứng khoán;
6. Báo cáo miễn nhiệm và trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ (2012-2017);
7. Trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 với mức cổ tức là 7%;
8. Trình thông qua việc phân phối khoản lợi nhuận sau thuế năm 2014 chưa phân phối (bổ sung);
9. Trình tiền lương Trưởng ban Kiểm soát; thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên năm 2016.



TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Nguyễn An